



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-ĐHQB ngày 14 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Kiến trúc
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kiến trúc
Tên tiếng Anh	:
Mã số	: 7580101
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Kiến trúc sư

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kiến trúc sư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên ngành, có khả năng thiết kế các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp, lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức: Sinh viên được trang bị những kiến thức sau:

1. Kiến thức giáo dục đại cương:

- Kiến thức giáo dục đại cương về chủ nghĩa Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn, Mỹ thuật;
- Ngoại ngữ: Trình độ Tiếng Anh tương đương TOEIC400. Ngoại ngữ chuyên ngành thường được sử dụng trong Kiến trúc;

2. Kiến thức cơ sở ngành:

- Kiến thức cơ bản về Kiến trúc, thiết kế, cấu tạo kiến trúc, vật liệu;
- Kiến thức cơ bản về Tin học và đồ họa: Khả năng tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học và đồ họa trong việc thiết kế;

3. Kiến thức ngành:

Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kiến trúc, định hướng về Kiến trúc

1.2.2. Kỹ năng

Sinh viên có khả năng thiết kế công trình dân dụng và công cộng, ngoài ra còn có khả năng tự tìm hiểu và ứng dụng thành thạo các phần mềm tính toán hiện đại, nghiên cứu và sử dụng các thành tựu KHCN cập nhật, liên tiếp trên thế giới. Ngoài ra, sinh

viên được trang bị kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và trình bày.

1.2.3. Thái độ, hành vi.

- Có lập trường vững vàng, nếp sống lành mạnh, tính ham học hỏi, ý thức vươn lên trong chuyên môn;

- Hiểu rõ các giá trị, đạo đức nghề nghiệp, luật pháp nói chung và pháp luật về Kiến trúc;

- Biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và yêu nghề, luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các tổ chức thiết kế kiến trúc và quy hoạch thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch ở Trung ương và các địa phương. Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập sau đại học, nghiên cứu nâng cao trình độ.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng).

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

+ Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ

+ Kiến thức chuyên ngành: 57 tín chỉ

+ Thực tập và đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình Đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên được tốt nghiệp khi tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có chứng tin học IC3

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

6. Thang điểm

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

<i>STT</i>	<i>Loại</i>	<i>Thang điểm 10</i>	<i>Thang điểm chữ</i>	<i>Thang điểm 4</i>
1	Đạt	8,5-10	A	4,0
2	Đạt	7,0 - 8,4	B	3,0
3	Đạt	5,5- 6,9	C	2,0
4	Đạt có điều kiện	4,0 - 5,4	D	1,0
5	Không đạt	Dưới 4,0	F	0,0

7. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
	7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	35						
1	11101	Nguyên lý CBCN ML1	2	20	5	5			
2	11102	Nguyên lý CBCN ML 2	3	20	5	20			
3	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
4	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	15	5	10			
5	11701	Tin học đại cương	4	30	30				
6	11203	Pháp luật đại cương	2	25	5				
7	11505	Logic đại cương	2	25	5				
8	11401	Tiếng Anh 1	3	30	15				
9	11402	Tiếng Anh 2	3	30	15				
10	11403	Tiếng Anh 3	3	30	15				
11	11404	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15				
12	11501	Toán cao cấp	5	45	30				
	7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89						
	7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	23						

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
13	16201	Hình học họa hình	2	20	10				
14	16202	Vẽ kỹ thuật (Autocad)	2	20	10				
15	16203	Cơ sở tạo hình kiến trúc	2	20	10				
16	16204	Vẽ mỹ thuật	2						
17	16205	Vẽ ghi	2						
18	16206	Vật lý kiến trúc	2						
19	16207	Kết cấu công trình	2						
20	16208	Vật liệu xây dựng	2						
21	16209	Điện nước kiến trúc, trang thiết bị	2						
22	16210	Kỹ thuật tổ chức thi công	2						
23	16211	Thực tập công nhân – tham quan kiến trúc	3						
	7.2.2	Kiến thức chuyên ngành	57						
24	16213	Kiến trúc nhà công cộng	2						
25	16213	Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	3						
26	16214	Kiến trúc công nghiệp	2						
27	16215	Quy hoạch đô thị	2						
28	16216	Môi trường và cảnh quan kiến trúc	2						
29	16217	Nội thất	2						
30	16218	Lịch sử kiến trúc	2						
31	16219	Thiết kế nhanh 1	1						
32	16220	Thiết kế nhanh 2	1						
33	16221	Thiết kế nhanh 3	1						
34	16222	Đồ án quy hoạch Q – tiểu khu đô thị	2						
35	16223	Đồ án nội ngoại thất N	2						
36	16224	Đồ án kiến trúc dân dụng 1	3	15	30				
37	16225	Đồ án kiến trúc dân dụng 2	3	15	30				

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
38	16226	Đồ án kiến trúc dân dụng 3	3	15	30				
39	16227	Đồ án kiến trúc dân dụng 4	3	15	30				
40	16228	Đồ án kiến trúc dân dụng 5	3	15	30				
41	16229	Đồ án kiến trúc dân dụng 6	3	15	30				
42	16230	Đồ án kiến trúc dân dụng 7	3	15	30				
43	16231	Đồ án kiến trúc dân dụng 8	3	15	45				
44	16232	Đồ án kiến trúc dân dụng 9	3						
45	16233	Đồ án kiến trúc dân dụng 10	3						
46	16234	Diễn họa kiến trúc 1	2						
47	16235	Diễn họa kiến trúc 2	2						
48	16236	Lý thuyết chuyên đề (Kỹ năng vẽ phối cảnh kiến trúc)	1						
	7.2.3	Tốt nghiệp	10						
49	16237	Thực tập tốt nghiệp	4						
50	16238	Đồ án tốt nghiệp	6						
	7.3	Kiến thức không tích lũy							
51	11801	Giáo dục thể chất	Cấp chứng chỉ						
52	11802	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Cấp chứng chỉ						
53	11302	Kỹ năng mềm 1,2	4	20	30	10			

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
		Kiến thức giáo dục đại cương	32									
1		Nguyên lý CBCN ML1	2	2								
2		Nguyên lý CBCN ML 2	3		3							
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
4		Đường lối CM ĐCSVN	3				3					
5		Tin học đại cương	4	4								
6		Pháp luật đại cương	2	2								
7		Logic đại cương	2	2								

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
8		Tiếng Anh 1	3	3									
9		Tiếng Anh 2	3		3								
10		Tiếng Anh 3	3			3							
11		Toán cao cấp	5	5									
		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101										
		Kiến thức cơ sở ngành	34										
12		Hình học họa hình	2		2								
13		Vẽ kỹ thuật (Autocad)	2		2								
14		Cơ sở tạo hình kiến trúc	2			2							
15		Vẽ ghi	2			2							
16		Vật lý kiến trúc	2		2								
17		Kỹ thuật đô thị	2			2							
18		Kết cấu công trình	2				2						
19		Vật liệu xây dựng	2			2							
20		Điện nước kiến trúc	2				2						
21		Kết cấu công trình thép gỗ	2				2						
22		Kỹ thuật tổ chức thi công	2				2						
23		Trắc địa	2		2								
24		Kinh tế xây dựng	2		2								
25		Thực tập công nhân – thăm quan kiến trúc	2			2							
26		Tiếng Anh chuyên ngành 1	3				3						
27		Tiếng Anh chuyên ngành 2	3					3					
		Kiến thức chuyên ngành	55										
		Bắt buộc	50										
28		Kiến trúc nhà ở	2			2							
29		Kiến trúc nhà công cộng	2					2					
30		Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng	2					2					
31		Kiến trúc công nghiệp	2					2					
32		Quy hoạch đô thị	2					2					
33		Môi trường và cảnh quan kiến trúc	2							2			
34		Nội thất	2							2			
35		Lịch sử kiến trúc	2			2							
36		Lý thuyết sáng tác kiến trúc	2							2			
37		Thiết kế nhanh T1	1						1				
38		Thiết kế nhanh T2	1								1		

TT	Mã môn	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
39		Thiết kế nhanh T3	1						1		
40		Đồ án quy hoạch Q	2							2	
41		Đồ án nội ngoại thất N	2							2	
42		Đồ án kiến trúc dân dụng 1	3				3				
43		Đồ án kiến trúc dân dụng 2	3				3				
44		Đồ án kiến trúc dân dụng 3	3					3			
45		Đồ án kiến trúc dân dụng 4	3					3			
46		Đồ án kiến trúc dân dụng 5	3						3		
47		Đồ án kiến trúc dân dụng 6	3						3		
48		Đồ án kiến trúc dân dụng 7	3							3	
49		Đồ án kiến trúc dân dụng 8	4							4	
		Tự chọn	5								
50		Lý thuyết chuyên đề 1 (Kiến trúc xanh và bệnh viện)	1						1		
51		Lý thuyết chuyên đề 2 (Kỹ năng vẽ phối cảnh kiến trúc)	1						1		
52		Lý thuyết chuyên đề 3 (Phong thủy với kiến trúc)	1							1	
53		Diễn họa Kiến trúc	2							2	
		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	9								
54		Thực tập tốt nghiệp	3								3
55		Khóa luận tốt nghiệp	6								6
56		Giáo dục thể chất		x	x						
57		Giáo dục quốc phòng - An ninh				x					
58		Kỹ năng mềm	4	x							
		Cộng	130	18	16	19	20	18	16	14	9

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được xây dựng trên cơ sở Bộ chương trình khung do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, có tham khảo một số chương trình đào tạo của các trường Đại học trong và ngoài nước khác.

Chương trình được thiết kế theo hướng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, gắn lý thuyết với thực tế. Bên cạnh đó, Chương trình cũng được thiết kế nhằm tăng cường sự tích cực, chủ động học tập của sinh viên, dành thời gian thích hợp cho sinh viên đi thực tập tiếp cận với thực tế, cập nhật kiến thức mới của chuyên ngành và các kiến thức tin học hiện đại. Các môn học/học phần được thiết kế theo học chế tín

chỉ nên Kế hoạch giảng dạy chỉ mang tính chất dự kiến tạm thời. Kế hoạch giảng dạy cụ thể phụ thuộc vào thực tế đăng ký học của các sinh viên.

Chương trình được xây dựng cho 07 học kỳ học tập và 01 học kỳ thực hiện Đồ án tốt nghiệp. Trong quá trình học, sinh viên cần thực hiện 02 đợt thực tập: Thực tập Công nhân và Thực tập Tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**
NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng